TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 3 năm 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Hưng

2. Bà Lê Ngọc Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐST - HNGĐ ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Q

Địa chỉ cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị N

Địa chỉ cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Q và chị N kết hôn năm 2004, năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh. Quá trình chung sống, giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp nên bất đồng quan điểm trong sinh hoạt thường ngày nên anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay. Thấy không thể nào có cuốc sống chung và hạnh phúc, nay anh Q yêu cầu được ly hôn, chị N chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

Con chung: H, sinh ngày 13/01/2005 đang do anh Q trực tiếp chăm sóc; khi ly hôn anh Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng cho con: anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng

Tài sản chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Anh Q, chị N xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị N là bị đơn trong vụ án chị N đã có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt chị; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Hôn nhân: Anh Q và chị N kết hôn năm 2004, năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, hôn nhân tự nguyện. Do mâu thuẫn vợ chồng, nay anh Q xin ly hôn. Lý do anh Q xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến không có cuộc sống chung và hạnh phúc. Việc yêu cầu xin ly hôn của anh Q được chị Nhiên đồng ý. Lý do đồng ý là do mâu thuẫn vợ chồng chứ không nguyên nhân nào khác; việc chấp nhận ly hôn do chị N tự nguyện quyết định. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, anh chị ly thân đã hơn 02 năm, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

Con chung: H, sinh ngày 13/01/2005 đang do anh Q trực tiếp chăm sóc. Nguyện vọng của H là được ở với chị N. Tại phiên tòa anh Q đồng ý theo ý kiến của H. Do đó giao H cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

Tài sản: Anh Q, chị N không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Anh Q, chị N xác định không.

Án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; khoản 1 và 2 Điều 81; Điều 82 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của anh Q, anh Q được ly hôn với chị N.
- *Con chung:* Anh Q giao H sinh ngày 13/01/2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân anh Q phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0011813 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; anh Quang đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Hội, U Minh;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

Trịnh Xuân Miễn